

Số: 166 /BC-UBND

Sơn Tây, ngày 23 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017 huyện Sơn Tây và đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp

Thực hiện Công văn số 1465/SNNPTNT-KL ngày 12/4/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Qua rà soát, UBND huyện Sơn Tây báo cáo tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT LÂM NGHIỆP NĂM 2017

1. Ban hành văn bản; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về Lâm nghiệp

1.1. Kết quả thực hiện

a) Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành

Hàng năm UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện như: Chỉ thị tăng cường các biện pháp bảo vệ, phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng; Quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo CTPTLNBV và các công văn chỉ đạo trong công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý lâm sản, giống cây lâm nghiệp trên địa bàn huyện. Tổ chức tuyên truyền pháp luật về Lâm nghiệp cho Nhân dân và chủ rừng trên địa bàn huyện.

(Cụ thể có phụ biểu số 01 kèm theo).

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lâm nghiệp

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, UBND các xã, xác định công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác bảo vệ, phát triển rừng; tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng cho Nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Lâm nghiệp; tổ chức vận động người dân sống trong, gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; thực hiện các quy ước bảo vệ rừng. Kết quả từ năm 2019 đến hết Quý I năm 2024 đã tổ chức 550 hội nghị tuyên truyền với hơn 11.300 lượt người dân tham dự; tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hoá “Chung tay bảo vệ rừng” 10 đợt; phát tờ rơi tuyên truyền cho 1.901 hộ gia đình và ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR được 3.084 hộ gia đình và cộng đồng dân cư; phối hợp Công an, Viện Kiểm sát, Huyện đoàn, Chủ rừng và UBND các xã tổ chức tuyên truyền lưu động

được 179 đợt trong toàn huyện; tập huấn (tổ chức tại 35 thôn) được 180 lớp/8.780 lượt đại biểu tham dự; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện được 15 phóng sự phát sóng trên các kênh truyền hình địa phương; tổ chức tọa đàm kỷ niệm 50 năm ngày thành lập lực lượng Kiểm lâm Việt Nam; Phát thanh trên hệ thống đài truyền thanh từ xã đến huyện được 4.800 lượt.

(Cụ thể có phụ biểu số 02 kèm theo).

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan mặc dù đã ban hành kế hoạch, chương trình hành động trong công tác bảo vệ và phát triển rừng nhưng chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, công tác phối hợp giữa chủ rừng với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong công tác tuần tra, kiểm tra, truy quét phát hiện ngăn chặn chưa kịp thời nên hiệu quả bảo vệ rừng chưa cao; có lúc chưa kịp thời chỉ đạo, huy động tối đa nguồn lực trên địa bàn để ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lâm nghiệp

- Nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế trong việc bảo vệ và phát triển rừng. Đời sống kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn đây là những nhân tố tác động xấu đến tài nguyên rừng. Đơn vị chủ rừng (BQLRPH tỉnh Quảng Ngãi) chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý bảo vệ rừng trên lâm phần được Nhà nước giao; chưa chủ động tổ chức tuyên truyền để hướng dẫn người dân chấp hành pháp luật về Lâm nghiệp theo quy định.

- Hình thức tuyên truyền còn mang tính trao đổi thông tin qua các buổi họp dân là chính, chính quyền địa phương chưa xây dựng được các video, slide tuyên truyền bằng hình ảnh, tờ rơi, panô,...chưa có cán bộ chuyên môn được đào tạo bài bản để chuyên trách nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật về Lâm nghiệp ở cơ sở.

2. Quy hoạch lâm nghiệp

Công tác Quy hoạch lâm nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng để rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo hướng giảm diện tích rừng phòng hộ, tăng diện tích rừng sản xuất nhằm thực hiện định hướng tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; bảo vệ và phát triển rừng góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, tính đa dạng sinh học.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030; điều chỉnh kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cho phù hợp với điều chỉnh quy hoạch. Kế thừa kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất. Bổ sung quỹ đất chưa sử dụng (ưu tiên các khu vực đã có rừng) vào mục đích phát triển lâm nghiệp. Vì vậy UBND huyện đã chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan và chính quyền địa phương thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên, kịp thời tham mưu UBND huyện đề xuất các hạng mục, công

trình phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội và phát triển lâm nghiệp được chính xác, đồng bộ từ cấp cơ sở đến cấp trên; với phương châm quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có giảm thiểu, hạn chế đến mức thấp nhất việc tác động tiêu cực đến diện tích rừng tự nhiên, ưu tiên phát triển rừng gỗ lớn bằng cây bản địa, phục hồi, phục sinh nguồn nước theo đúng tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 18/5/2016 của Huyện ủy Sơn Tây đề ra.

(Cụ thể có Biểu 03 kèm theo)

3. Giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng

3.1. Kết quả đạt được

a) Giao rừng, cho thuê rừng

Xác định công tác giao rừng gắn với giao đất và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của địa phương nhằm tăng hiệu quả quản lý bảo vệ rừng gắn với việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Trong thời gian qua, huyện đã trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đồng thời giao cơ quan chuyên môn xây dựng phương án giao rừng gắn với giao đất và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư. Từ năm 2019 đến nay, đã xây dựng 01 phương án trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện¹, kết quả cụ thể:

+ *Kết quả thực hiện công tác giao rừng gắn với giao đất và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư giai đoạn 2019-2020:*

* *Quyết định phê duyệt phương án:* Quyết định 2381/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

* *Tổng diện tích đã giao:* 730,93 ha ha, đạt 63,46% so với khối lượng phương án được duyệt, gồm:

- Rừng tự nhiên sản xuất: 475,5104 ha, đạt 76,84% so với khối lượng phương án.

- Rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 225,4196 ha, đạt 43,02% 73,08% so với khối lượng phương án.

* *Đối tượng được giao rừng gắn với giao đất và cấp GCNQSD đất:*

- Hộ gia đình: 79 hộ/384,76 ha.

- Cộng đồng dân cư: 19/346,171 ha.

- Tổng số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp: 254 giấy/730,93 ha, trong đó:

+ Hộ gia đình: 194 giấy/384,76 ha..

+ Cộng đồng dân cư: 60 giấy/346,171 ha.

* *Kinh phí thực hiện:*

- Số kinh phí đã sử dụng, giải ngân và quyết toán 1.252.000.000 đồng.

¹ Quyết định 791/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; 2381/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

(cụ thể có phụ biểu số 04 kèm theo)

b) Chuyển loại rừng, CMĐSD rừng sang mục đích khác (Biểu 05)

- Tình hình về chuyển loại rừng (giữa 3 loại rừng: Đặc dụng, phòng hộ, sản xuất);

+ Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/03/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Bộ tiêu chí rà soát diện tích đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu chuyển sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất.

+ Thực hiện Công văn số 6114/UBND-NNTN ngày 07/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tổ chức rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất gắn với điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi.

+ Thực hiện Dự án rà soát chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất và điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Sơn Tây. Đã chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, chuyển đổi rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất và điều chỉnh bổ sung quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện UBND huyện, hiện đang chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Số lượng các dự án, diện tích rừng được chuyển sang mục đích trên địa bàn huyện, trong đó: Rừng tự nhiên, rừng trồng; loại hình chuyển mục đích sử dụng rừng và diện tích tương ứng (chuyển mục đích sử dụng rừng sang làm thủy điện; khai thác khoáng sản; xây dựng các khu tái định cư; an ninh, quốc phòng; kết cấu hạ tầng nông thôn (điện, đường, trường, trạm...)

UBND huyện chỉ đạo các ban, ngành có liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chuyển diện tích rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác. Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2023 trên địa bàn huyện có 01 dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tại thủy điện Sơn Trà 1C theo các văn bản².

- Trồng rừng thay thế

+ Năm 2020 trồng rừng thay thế 25,64 ha tại xã Sơn Liên tại các Quyết định³.

+ Năm 2021 BQLRPH tỉnh Quảng Ngãi triển khai dự án trồng rừng thay thế 17,99 ha tại xã Sơn Lập theo Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 về việc phê duyệt thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng của tỉnh Hà Nam - trong điều kiện tỉnh Hà Nam không còn quỹ đất trồng rừng.

+ Năm 2023 BQLRPH tỉnh trồng 39,72 ha tại xã Sơn Tinh và xã Sơn Lập tại Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt hồ sơ thuyết minh thiết kế thi công và dự toán công trình trồng

² Công văn số 5575/UBND-NNTN ngày 14/09/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng chuyển mục đích xây dựng thủy điện Sơn Trà 1C

³ Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

rừng thay thế kế hoạch năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hành Đức – Hành Minh, huyện Nghĩa Hành và Dự án đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIb.

c) Thu hồi rừng

Thực hiện thu hồi rừng trong các trường hợp: trên địa bàn huyện Sơn Tây chưa có trường hợp chủ rừng bị thu hồi khi sử dụng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp; không tiến hành hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, được thuê rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng; rừng được Nhà nước giao, cho thuê khi hết hạn mà không được gia hạn; rừng được giao, được thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng; chủ rừng là cá nhân khi chết không có người thừa kế; các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Giao rừng, cho thuê rừng

Việc quản lý rừng và đất lâm nghiệp của các Chủ rừng được Nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ còn thiếu chặt chẽ; chủ rừng chưa thực sự tổ chức bảo vệ và phát triển tốt trên lâm phần được giao, còn để xảy ra tình trạng xâm hại rừng và đặc biệt là tái lấn chiếm đất quy hoạch phòng hộ.

Diện tích rừng tự nhiên tự nhiên được giao giáp ranh với nhiều huyện trong và ngoài tỉnh, địa hình đồi núi phức tạp, hiểm trở; giao thông đi lại khó khăn, thông tin liên lạc đôi lúc chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến công tác quản lý bảo vệ rừng.

Chủ rừng hầu hết là người dân tộc thiểu số, mặt bằng dân trí và nguồn thu nhập về kinh tế còn thấp, sản phẩm của rừng sẵn có, lợi nhuận cao, nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp, gỗ trong xã hội ngày càng tăng.

Chủ rừng chưa biết phát huy hết lợi thế từ nguồn tài nguyên rừng, vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

b) Chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trồng rừng thay thế

Công tác trồng rừng thay thế thực hiện còn chậm, BQLRPH tỉnh Quảng Ngãi đôi khi tiến hành trồng rừng nhưng chưa tạo được quỹ đất sạch, dẫn đến tình trạng tranh chấp, mâu thuẫn trong công tác trồng rừng với lợi ích, sinh kế của người dân sống gần rừng, ven rừng. Từ đó gây khó khăn trong công tác xói đói, giảm nghèo của địa phương cũng như công tác an ninh, chính trị trên địa bàn huyện.

c) Thu hồi rừng

Việc giải quyết tranh chấp đất, rừng giữa người dân với BQLRPH tỉnh đôi

với diện tích quy hoạch cho phòng hộ trên địa bàn huyện trong những năm gần đây vẫn còn; nguyên nhân do những bất cập trong công tác quy hoạch cho phòng hộ; BQLRPH tỉnh vẫn chưa hoàn thiện dự án rà soát, đo đạc xác định diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch phòng hộ nhưng người dân đang sử dụng trong lâm phần quản lý của các Ban Quản lý rừng phòng hộ tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; điều này gây khó khăn rất lớn cho chính quyền địa phương nếu xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu kiện.

4. Tổ chức quản lý rừng; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; đóng, mở cửa rừng tự nhiên

4.1. Kết quả đạt được

a) Tổ chức quản lý rừng

- Rừng đặc dụng: Trên địa bàn huyện không có rừng đặc dụng.

- Rừng phòng hộ: Trên cơ sở Quyết định 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định 2378/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh hiện nay. Tất cả diện tích quy hoạch cho rừng phòng hộ trên địa bàn huyện Sơn Tây đã được giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh quản lý, bảo vệ, phát triển rừng theo đúng quy định của Luật lâm nghiệp.

- Rừng sản xuất: Tất cả diện tích rừng sản xuất đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn huyện Sơn Tây đến thời điểm này thực sự đã có chủ; Hiện nay, UBND huyện đang vận dụng tất cả các nguồn lực đặc biệt là nguồn lực từ Chương trình dịch vụ môi trường rừng, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,... để giúp các chủ rừng có nguồn tài chính nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cũng như phát triển rừng.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

+ Đối với diện tích rừng quy hoạch phòng hộ

Trên cơ sở Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 của BQLRPH tỉnh Quảng Ngãi; UBND huyện đang đề nghị chủ rừng thực hiện đúng theo quy định, trường hợp có khó khăn, vướng mắc chủ rừng phải báo cáo kịp thời với chính quyền địa phương để đi đến phương án giải quyết tối ưu nhất, đảm bảo hợp tình, hợp lý và thượng tôn pháp luật.

+ Đối với diện tích rừng sản xuất:

UBND huyện đã chỉ đạo Kiểm lâm phối hợp UBND các xã, chủ rừng, hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo Thông tư 28/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018.

- Thực hiện việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (các chủ thể được cấp chứng chỉ, diện tích được cấp chứng chỉ, loại chứng chỉ được cấp...). Hiện nay, trên địa bàn đang triển khai thực hiện mô hình thí điểm liên kết trồng rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn theo hướng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững nhằm mang lại hiệu quả cao, góp phần vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế hộ gia đình trên địa bàn huyện một cách bền vững⁴. Thực hiện giai đoạn 01 thí điểm dự án trên địa bàn 03 xã Sơn Dung, Sơn Mùa và Sơn Tân; đã có hộ/nhóm hộ đăng ký tham gia dự án, trồng thuần loài cây keo, cụ thể như sau:

TT	Xã	Số hộ đăng ký tham gia (hộ)	Diện tích (ha)	Ghi chú
01	Sơn Dung	345	1.269,427	RSX/CLN
02	Sơn Tân	271	955,380	RSX/CLN
03	Sơn Mùa	56	202,328	RSX/CLN
T. cộng	03 xã	672	2.427,135	

c) Thực hiện chủ trương đóng, mở cửa rừng tự nhiên

- Tình hình thực hiện chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên (chỉ thực hiện khai thác tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên); Từ năm 2019 đến ngày 31/12/2023 trên địa bàn huyện không có chủ trương khai thác gỗ rừng tự nhiên cũng như tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên.

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí bảo vệ và phát triển rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong giai đoạn dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên: (đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ trên/ha; tổng kinh phí hỗ trợ...). Từ năm 2019 đến nay, UBND huyện đã chỉ đạo chính quyền địa phương thực hiện việc hỗ trợ bảo vệ rừng và phát triển rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo đúng quy định của pháp luật; kết quả:

** Đối với kinh phí từ nguồn dịch vụ môi trường rừng*

+ Năm 2020 hỗ trợ bảo vệ rừng từ nguồn dịch vụ môi trường rừng với tổng số tiền chi trả là 162.555.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) cho 55 hộ gia đình và 06 cộng đồng.

+ Năm 2021 hỗ trợ bảo vệ rừng từ nguồn dịch vụ môi trường rừng với tổng số tiền chi trả là 593.398.000 đồng (*Năm trăm chín mươi ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng*) cho 173 hộ và 18 cộng đồng.

+ Năm 2022 hỗ trợ bảo vệ rừng từ nguồn dịch vụ môi trường rừng với tổng

⁴ (1) Công văn số 1674/UBND ngày 08/12/2022 về việc thống nhất chủ trương triển khai dự án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn huyện Sơn Tây; (2) Giấy mời số 13/GM-UBND ngày 20/02/2023 tổ chức buổi làm việc với Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Toàn Phúc Thịnh về việc triển khai dự án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn huyện; (3) Công văn số 742/UBND ngày 21/4/2023 về việc hướng dẫn công tác sản xuất, kinh doanh cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện; (4) Công văn số 537/UBND ngày 29/3/2023 về việc liên kết phát triển rừng sản xuất trên địa bàn; (5) Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 12/5/2023 tình hình phát triển rừng sản xuất trên địa bàn huyện; (6) Báo cáo số 280/UBND ngày 21/7/2023 tình hình thực hiện mô hình thí điểm liên kết trồng rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn theo hướng có chứng chỉ rừng bền vững....

số tiền chi trả là 865.477.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) cho 308 hộ và 21 cộng đồng.

+ Năm 2023 hỗ trợ bảo vệ rừng từ nguồn dịch vụ môi trường rừng với tổng số tiền chi trả là 850.883.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng*) cho 233 hộ gia đình và 19 cộng đồng.

* *Đối với kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*

Diện tích được nghiệm thu chi trả là 710,94 ha/09 xã/219 hộ và 24 cộng đồng với tổng số tiền được chi trả là 284.376.000 đồng (*Hai trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó:

- Xã Sơn Bua: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 47,48 ha/29 hộ và 04 cộng đồng/tổng số tiền được chi trả là 18.992.000 đồng (*Mười tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

- Xã Sơn Dung: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 56,83 ha/ 18 hộ và 03 cộng đồng/tổng số tiền được chi trả là 22.732.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

- Xã Sơn Lập: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 52,52 ha/ 09 hộ và 05 cộng đồng/tổng số tiền được chi trả là 21.008.000 đồng (*Hai mươi một triệu không trăm không tám nghìn đồng*).

- Xã Sơn Liên: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 72,06 ha/52 hộ và 03 cộng đồng/tổng số tiền được chi trả là 28.824.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

- Xã Sơn Long: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 62,68 ha/ 21 hộ và 03 cộng đồng/ tổng số tiền được chi trả là 25.072.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

- Xã Sơn Màu: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 183,52 ha/ 47 hộ và 01 cộng đồng/ tổng số tiền được chi trả là 73.408.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng*).

- Xã Sơn Mùa: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 114,69 ha/ 42 hộ và 04 cộng đồng/ tổng số tiền được chi trả là 45.876.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu tám trăm bảy sáu nghìn đồng*).

- Xã Sơn Tân: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 79,89 ha/ 10 hộ/ tổng số tiền được chi trả là 31.956.000 đồng (*Ba mươi một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

- Xã Sơn Tinh: Diện tích được nghiệm thu chi trả là 41,27 ha/ 05 hộ và 01 cộng đồng/ tổng số tiền được chi trả là 16.508.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm không tám nghìn đồng*).

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) *Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững*

- Hiện nay, UBND huyện chưa bố trí được kinh phí để hỗ trợ chủ rừng trong quy hoạch sản xuất xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo Thông tư số 28/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018 vì đối với chủ rừng nằm trong quy hoạch sản xuất hầu hết là hộ gia đình, cộng đồng dân cư người dân tộc thiểu số trình độ nhận thức còn hạn chế, trong khi nguồn lực kinh tế được cấp thẩm quyền phân bổ về UBND huyện trong dự toán thu, chi hàng năm không có hạng mục nêu trên.

b) Thực hiện chủ trương đóng, mở cửa rừng tự nhiên

Nhà nước cần xem xét ban hành các cơ chế, chính sách, các thông tư, nghị định mới, các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng để hướng dẫn các cơ quan quản lý cấp huyện, cấp xã cũng như chủ rừng có thêm nguồn kinh phí từ việc bán chứng chỉ cacbon rừng, từ đó việc thực hiện chủ trương đóng, mở cửa rừng tự nhiên mới thiết thực và hiệu quả hơn đặc biệt là trong thời điểm biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan đang xảy ra ngày càng gay gắt, khó lường.

5. Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến, cơ sở dữ liệu rừng

5.1. Kết quả đạt được

- Tổ chức thực hiện điều tra rừng do UBND cấp tỉnh chủ trì:

Từ ngày 01/01/20219 đến 31/12/2023 trên địa bàn huyện chưa thực hiện điều tra rừng do UBND cấp tỉnh chủ trì.

- Tổ chức thực hiện kiểm kê rừng:

Từ ngày 01/01/20219 đến 31/12/2023 trên địa bàn huyện chưa thực hiện kiểm kê rừng.

- Tổ chức theo dõi diễn biến rừng; công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm:

Hàng năm, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, UBND các xã, chủ rừng thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về rừng, hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp tại địa phương:

Thực hiện Công văn số 433/KL-QLR ngày 20/10/2022 của Cục Kiểm lâm về việc triển khai phần mềm FRMS 4.0 để cập nhật diễn biến rừng, UBND huyện đã giao nhiệm vụ cho Hạt Kiểm lâm số hoá, cập nhật, lưu trữ đầy đủ số liệu về kết quả điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng hàng năm trên địa bàn huyện vào phần mềm. Hiện nay, tất cả các dữ liệu đều được người dùng bảo quản cẩn thận, kịp thời cập nhật và đồng bộ lên hệ thống máy chủ đặt tại Cục Kiểm lâm; tất cả số liệu đều được tự động hoá giúp quá trình khai thác đảm bảo tính chính xác, nhanh, gọn, thuận tiện để phục vụ tốt cho lĩnh vực chuyên môn ngành.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hiện nay, cán bộ chuyên môn trong công tác QLVR trên địa bàn huyện còn thiếu trong khi đó diện tích rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên trên địa bàn huyện

rất lớn và phân bố ở nơi cao, có độ dốc lớn, hẻo lánh, cách xa khu dân cư, không có đường giao thông đi lại trong công tác điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng đòi hỏi phải thực hiện thường xuyên, liên tục; phần mềm theo dõi diễn biến rừng đòi hỏi người dùng có kỹ năng cao về công nghệ máy tính, cho nên việc thực hiện điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng gặp rất nhiều khó khăn.

6. Bảo vệ rừng

6.1. Kết quả đạt được

a) Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn đăng ký mã cơ sở, lập sổ theo dõi, ghi chép vào sổ theo dõi và báo cáo biến động về số lượng động vật rừng theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đã được cấp mã cơ sở nuôi gồm 06 cá thể Cây vòi hương và 20 cá thể Cây vòi mốc.

b) Phòng cháy và chữa cháy rừng

- Phòng cháy rừng:

Chỉ đạo các ngành chức năng, UBND các xã và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng các cấp; phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; triển khai thực hiện công tác PCCCR theo quy định của pháp luật; duy trì hoạt động Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cấp xã và các Tổ, Đội PCCCR tại cơ sở. Hàng năm xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR; hàng năm đều thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành về công tác PCCCR; tổ chức diễn tập Phương án chữa cháy rừng cấp xã định kỳ và luân phiên theo xã; Chỉ đạo Hạt kiểm lâm thường xuyên theo dõi cảnh báo cháy rừng tại trang web Cục Kiểm lâm (địa chỉ <http://kiemlam.org.vn>, mục “Điểm cháy từ vệ tinh”) để theo dõi các điểm cháy; ghi chép thông tin về cháy rừng khi tiếp nhận thông tin cảnh báo cháy rừng, mở sổ trực, tổ chức thông tin cảnh báo điểm cháy trên hệ thống nhóm Zalo Ban chỉ đạo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cấp huyện, cấp xã để kịp thời xác minh thông tin báo cáo cấp trên kịp thời, đúng quy định...

Đảm bảo thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa 03 lực lượng Công an - Quân sự - Kiểm lâm địa bàn theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; UBND huyện đã giao trách nhiệm cho Hạt Kiểm lâm chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn chủ động lập Kế hoạch công tác phối hợp với lực lượng Công an xã, BCH Quân sự xã theo từng tháng, quý, năm. Thống nhất nội dung đã xây dựng trong kế hoạch, nâng cao vai trò trách nhiệm trong lĩnh vực phối hợp. Nắm chắc tình hình biến động diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; tình hình cháy rừng; mua bán, sản xuất, kinh doanh, chế biến lâm sản theo thực tế trên từng địa bàn xã từ đó chủ động triển khai phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả.

Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm tổ chức các lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy rừng cho các BCD CTPTLNBV cấp xã; các Đội, Tổ BVR&PCCCR ở cơ sở với hơn 80 lượt người tham dự. Đợt tập huấn đã giúp cho các thành viên BCD, Tổ, Đội PCCCR ở 35 thôn và 136 khu dân cư trên địa bàn huyện nắm căn bản về các nội dung như: Mục đích của công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; Tác hại của cháy rừng, nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến cháy rừng. Các biện pháp, kỹ thuật trong phòng cháy chữa cháy rừng như: Dự báo cháy rừng, biện pháp kỹ thuật lâm sinh, phân vùng trọng điểm cháy rừng, phương pháp đốt trước vật liệu cháy, quy vùng sản xuất nương rẫy, xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy; các biện pháp tuyên truyền, tổ chức xây dựng lực lượng; Kỹ thuật chữa cháy rừng như chữa cháy trực tiếp, gián tiếp; tổ chức đội hình chữa cháy, an toàn trong chữa cháy, chỉ huy chữa cháy; Sử dụng thành thạo các công cụ, phương tiện chữa cháy thông thường hiện có tại địa phương. Hiểu được các chủ trương, chính sách của Nhà nước liên quan đến công tác PCCCR để tuyên truyền, vận động mọi thành phần trong xã hội cùng tham gia để thực hiện tốt công tác PCCCR.

Ngoài việc được tập huấn, bồi dưỡng, trao đổi những kiến thức về lý thuyết, các học viên tham dự lớp tập huấn còn được tham gia thảo luận nhóm, đề xuất hướng xử lý đối với các tình huống cháy rừng có thể xảy ra trong thực tế, từ đó chủ động đề xuất phương án chữa cháy rừng hiệu quả, an toàn, đồng thời các học viên còn được hướng dẫn thực hành trực tiếp ngoài hiện trường, được hướng dẫn phương pháp tiếp cận đám cháy, phương pháp dập lửa và không chế đám cháy, cách sử dụng một số loại công cụ chữa cháy rừng hiện có tại địa phương để phát huy được tác dụng, hiệu quả chữa cháy một cách tốt nhất, đồng thời trường các thôn bản tham gia lớp tập huấn được trực tiếp thực hành chỉ huy các lực lượng tại chỗ để chữa cháy rừng khi xảy ra.

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến quý 1 năm 2024, UBND huyện đã chỉ đạo Hạt Kiểm lâm lựa chọn, hợp đồng với đơn vị tư vấn xây dựng và bàn giao 09 bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng cấp xã và 01 bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng cấp huyện; việc xây dựng được bản đồ phân vùng trọng điểm cháy rừng đã giúp chính quyền địa phương triển khai, thực hiện công tác PCCCR trên địa bàn đơn vị mình quản lý nhằm phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các vụ cháy rừng.

Hướng dẫn chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư xây dựng được hơn 1.425 Phương án phòng cháy chữa cháy rừng có đầy đủ nội dung thông tin theo đúng quy định tại điểm a, khoản 1 điều 45 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; UBND các xã xây dựng được 09 phương án PCCCR cho 09 xã trên địa bàn huyện.

- Chữa cháy rừng: Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy rừng, chỉ huy chữa cháy rừng; khắc phục hậu quả, xử lý sau cháy rừng

Khi có cháy rừng xảy ra tất các lực lượng luôn chấp hành tốt công tác phối hợp huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn theo đúng yêu cầu tại Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, vì vậy từ năm 2019 đến nay không có vụ cháy rừng nào gây thiệt

hại về người.

c) Kiểm tra lâm sản trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, gây nuôi, trồng cây nhân tạo, cất giữ lâm sản

Nhìn chung, việc thực hiện trình tự, thủ tục khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường; thực hiện hồ sơ lâm sản hợp pháp (*hồ sơ nguồn gốc lâm sản, hồ sơ lâm sản khi mua bán, chuyển giao quyền sở hữu, vận chuyển trong nước và xuất khẩu; hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, cất giữ, nuôi, trồng thực vật rừng, động vật rừng*) trên địa bàn huyện cơ bản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Từ năm 2019 đến năm 2023, Hạt Kiểm lâm đã phối hợp với UBND các xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện tổ chức 3.500 lượt tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng. Trong đó: 1.200 lượt truy quét ở rừng, 2.100 lượt tuần tra, kiểm tra rừng, 200 lượt kiểm tra các cơ sở chế biến lâm sản, trại nuôi động vật rừng và hàng trăm lượt kiểm tra lâm sản khâu lưu thông. Qua đó, phát hiện, bắt giữ và xử lý 173 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (*hình sự: 12 vụ, hành chính: 161 vụ*), thu nộp ngân sách Nhà nước 3,011 tỷ đồng. Các vụ vi phạm đều xử lý công khai, nghiêm minh, đúng pháp luật đã góp phần quan trọng về nâng cao ý thức bảo vệ rừng cho người dân.

- Kiểm tra, xác nhận bảng kê lâm sản là động vật rừng 01 đợt /04 cá thể Cầy Vòi mốc, 04 cá thể Cầy Vòi hương.

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

UBND huyện đã chỉ đạo Hạt Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, UBND các xã trên địa bàn tăng cường tuần tra, kiểm soát các khu vực trọng điểm về săn, bắt, buôn bán, tiêu thụ các loài chim hoang dã, di cư; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi săn, bắt, bẫy, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh, chế biến, tàng trữ trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư; tổ chức triệt phá các tụ điểm kinh doanh trái pháp luật các loài chim hoang dã, di cư trên địa bàn; đồng thời nghiên cứu, đề xuất các quy định pháp luật về chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm săn, bắt, bẫy các loài chim hoang dã di cư và các loài động, sinh vật cảnh khác. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên đối với các quán ăn, nhà hàng; các cơ sở, hộ gia đình kinh doanh nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm về các hành vi vi phạm; kịp thời phát hiện hoặc nhận tin báo tố giác những trường hợp quảng cáo (*quảng bá*) trên mạng xã hội (*như Zalo, facebook cá nhân*) thì tiến hành phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương kiểm tra xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật (*nếu có vi phạm*) đồng thời cho ký cam kết và tháo gỡ ngay; Kiểm lâm phụ trách địa bàn rà soát các quán ăn, nhà hàng; các cơ sở, hộ gia đình kinh doanh có chế biến, tàng trữ, mua bán các loài chim hoang dã, di cư tiến hành thực hiện việc ký cam kết và niêm yết công khai (*có xác nhận của Hạt Kiểm lâm và chính quyền địa phương*).

Kết quả các ngành chức năng đã tổ chức được 75 đợt truy quét, 178 đợt kiểm tra và 234 đợt tuần tra; ký được hơn 50 cam kết không chế biến, tàng trữ, mua bán các loài chim hoang dã, di cư.

b) Phòng cháy và chữa cháy rừng

Huyện Sơn Tây có địa bàn rộng, địa hình đồi núi phức tạp, lực lượng làm công tác bảo vệ rừng, PCCC mỏng, việc huy động lực lượng, phương tiện vào chữa cháy là rất khó khăn; Thời tiết diễn biến phức tạp đặc biệt là tình hình nắng nóng kéo dài, số ngày dự báo cấp cháy rừng ở cấp IV (*nguy hiểm*), cấp V (*cực kỳ nguy hiểm*) trên địa bàn huyện luôn ở mức cao.

Các đơn vị chủ rừng chưa thực sự chủ động thực hiện biện pháp lâm sinh làm giảm vật liệu cháy trong mùa nắng nóng theo quy định tại điểm 1 điều 7 Thông tư 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ NN&PTNT quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn chiếm đa số là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa và nhận thức còn hạn chế nên việc xây dựng Phương án PCCC theo đúng quy định tại điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp còn nhiều khó khăn.

Kinh phí để hỗ trợ cho lực lượng tham gia chữa cháy không được cấp trên bố trí, kể cả BQLR phòng hộ tỉnh (*chủ rừng*).

c) Kiểm tra lâm sản trong quá trình khai thác, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, gây nuôi, trồng cây nhân tạo, cất giữ lâm sản.

Đối với lâm sản do chủ rừng, chủ lâm sản tự quyết định việc khai thác, sau khi khai thác chủ rừng, chủ lâm sản không báo cáo, thông báo nên gây khó khăn cho công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thống kê ngành lâm nghiệp. Mặc dù Hạt Kiểm lâm đã tuyên truyền hướng dẫn các quy định của Nhà nước về quản lý lâm sản, tuy nhiên, một số cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, chủ rừng không thực hiện việc lập Bảng kê lâm sản, ghi chép sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định.

(Cụ thể có phụ biểu số 06 kèm theo)

7. Phát triển rừng

7.1. Kết quả đạt được

a) Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Trên địa bàn huyện có trên 01 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp (*01 doanh nghiệp tư nhân sản xuất được cấp GCN đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh, còn lại là tự phát của hộ gia đình*). Trong năm, các cơ sở sản xuất cung cấp cây giống để hộ gia đình tiến hành trồng rừng tập trung; Tuy nhiên, việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng Lâm nghiệp của các cơ sở trên địa bàn huyện chỉ mang tính tự phát chưa được công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp được kiểm soát về chất lượng ước đạt khoảng trên 50% so với tổng số cây giống Lâm nghiệp được các cơ sở sản xuất ra và đưa vào trồng rừng.

b) Phát triển rừng

UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện triển khai thực hiện phong trào "*Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ*" nhằm phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc và nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân huyện nhà trong việc trồng cây, trồng rừng, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng gắn liền với mục đích bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp; góp phần giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cũng như thực hiện thành công Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021- 2025 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 18/5/2016 của Huyện ủy Sơn Tây về bảo vệ và phát triển rừng bền vững; phục sinh các nguồn nước; bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường cuộc sống cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

(Cụ thể có phụ biểu 07 kèm theo)

7.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện còn chưa đảm bảo, không đủ nguồn giống có năng suất, chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu sản xuất, vẫn còn tình trạng sử dụng giống kém chất lượng; việc ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô phục vụ cho công tác trồng rừng còn hạn chế, người dân chưa tiếp cận được nhiều với giống cây trồng sản xuất bằng công nghệ cao, có chất lượng. Hiệu quả hoạt động lực lượng kiểm lâm còn thấp, công tác phối hợp giữa các ngành và UBND các xã còn chưa thật sự đồng bộ, thiếu thường xuyên đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, bảo vệ rừng.

b) Trồng mới rừng, trồng lại rừng, chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng trồng; trồng rừng thay thế

Việc đưa giống cây bản địa ở các địa phương từ các huyện vùng đồng bằng để thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn huyện miền núi Sơn Tây còn nhiều bất cập vì giống cây sau quá trình vận chuyển qua những chặng đường dài đầy khó khăn, nhiều điểm trồng rừng nằm ở vùng sâu, vùng xa, không có đường ô tô để vận chuyển cây con mà phải tiến hành mang, vát thủ công thì cây con đã trở thành "cây ốm", tỷ lệ sống và phát triển sau khi trồng là hạn chế; đó là chưa kể đến những tác động tiêu cực của thời tiết, khí hậu hết sức khắc nghiệt của vùng núi cao và gia súc chăn thả tự do của đồng bào Nhân dân địa phương.

8. Sử dụng rừng

8.1. Kết quả đạt được

a) Rừng sản xuất

Đối với rừng tự nhiên nghèo kiệt: UBND huyện đang tiến hành khuyến khích chủ rừng làm giàu rừng, nâng cao chất lượng rừng bằng cách trồng bổ sung những loài cây bản địa có giá trị kinh tế.

Đối với rừng sản xuất là rừng trồng hiện có: Ngoài việc khai thác xong trồng lại rừng, khuyến khích chủ rừng việc đầu tư chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh rừng trồng cung cấp gỗ lớn cho chế biến đồ mộc dân dụng, hàng xuất khẩu và các nhu cầu chế biến khác.

Đối với đất trồng quy hoạch rừng sản xuất: đẩy mạnh trồng rừng theo phương thức thâm canh, chọn loài cây trồng phù hợp với đất đai trên cơ sở bản đồ thổ nhưỡng đã được UBND huyện Phê duyệt tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 về việc kết quả thực hiện Dự án “Lập bản đồ thổ nhưỡng - nông hoá và đề xuất phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, hướng đến năm 2045”, sử dụng nguồn giống có chất lượng để tăng năng suất chất lượng rừng trồng. Khuyến cáo trồng rừng sản xuất gỗ lớn để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và gỗ gia dụng.

Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; trồng thử nghiệm một số giống mới có năng suất cao phù hợp với điều kiện lập địa, bổ sung giống cây lâm nghiệp cho trồng rừng sản xuất. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các quy định về pháp luật bảo vệ phát triển rừng, tuyên truyền vận động người dân đẩy mạnh phát triển rừng sản xuất kinh doanh gỗ lớn.

Chỉ đạo thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, thâm canh rừng trồng, từng bước áp dụng cơ giới hóa vào khâu làm đất, thực hiện tía thưa, tía cành, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng gỗ rừng trồng đáp ứng yêu cầu thị trường.

Tăng cường thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào lâm nghiệp, nhất là đầu tư các nhà máy chế biến sâu với công nghệ hiện đại; đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ lâm sản.

Đẩy mạnh xã hội hóa nghề rừng, khuyến khích tích tụ đất đai theo quy định, tạo ra vùng trồng rừng nguyên liệu đáp ứng nhu cầu thị trường; thực hiện các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư trồng rừng, chế biến lâm sản giữa doanh nghiệp có tiềm lực về tài chính, kỹ thuật với các công ty lâm nghiệp, hộ gia đình nhằm thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp phát triển, khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất lâm nghiệp.

b) Dịch vụ môi trường rừng

Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn huyện luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm. Từ năm 2019 đến nay thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng, UBND huyện đã giao trách nhiệm cho Hạt Kiểm lâm Sơn Tây phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện tốt chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn, góp phần đáng kể vào kết quả bảo vệ và phát triển rừng chung của toàn tỉnh.

(Cụ thể có phụ biểu số 09 kèm theo)

3. Chế biến và thương mại lâm sản

a) Kết quả đạt được

- Ngành lâm nghiệp là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong giai đoạn 2019 - 2023, ngành lâm nghiệp đã tích cực thực hiện nhiều giải pháp về công tác tổ chức, quản lý, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo các định hướng, quy hoạch được các cấp, ngành phê duyệt; việc trồng rừng sản xuất được đẩy nhanh nhờ các chính sách giao đất, giao rừng, sự hỗ trợ đầu tư từ các chương trình dự án đã góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng đạt hơn 60%; công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản đang có xu hướng phát triển mạnh bởi sự đầu tư các nhà máy chế biến gỗ và dăm gỗ vào cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp chế biến kinh doanh gỗ trên địa bàn huyện triển khai thực hiện nội dung Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam và Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phân loại chế biến và xuất khẩu gỗ.

- Hàng năm, UBND huyện giao trách nhiệm cho Hạt Kiểm lâm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất về hoạt động chế biến, kinh doanh lâm sản trên địa bàn huyện; tuyên truyền, vận động các cơ sở ký cam kết việc thực hiện hoạt động chế biến, kinh doanh lâm sản theo quy định của pháp luật. Nhìn chung, các tổ chức, hộ gia đình chấp hành tương đối tốt các quy định của Nhà nước về chế biến, kinh doanh lâm sản.

- Việc đánh dấu mẫu vật còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến khó thực hiện được.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hầu hết hộ gia đình, cá nhân chưa chú trọng chất lượng, năng suất gỗ rừng trồng nên đã khai thác rừng trồng khi chưa đủ tuổi; mặt khác giá cả phụ thuộc lớn vào các đối tác nước ngoài dẫn đến bị chèn ép giá vì cho rằng gỗ dăm xuất khẩu không đạt chất lượng.

- Chưa có sự hợp tác, liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm giữa người sản xuất và các doanh nghiệp để có thị trường ổn định, giúp nông dân yên tâm sản xuất để tạo ra nguồn nguyên liệu chất lượng cao, vì vậy rất khó tìm kiếm và mở rộng thị trường.

- Hiện nay, tại địa phương chưa biết cá nhân, tổ chức nào cung cấp các nhãn đánh dấu mẫu vật (*tem, mã số, mã vạch, mã QR, chip điện tử, vòng, khuyên*).

- Kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho lâm nghiệp còn hạn chế, bất cập.

4. Các vấn đề khác

- Về định nghĩa rừng, tiêu chí rừng có quy định: “*độ tàn che từ 0,1 trở lên*”. Tuy nhiên, trong thực tế khi rừng bị phá, bị cháy sẽ không xác định được độ tàn che nên khó xác lập hồ sơ để xử lý theo quy định.

II. Đề xuất, định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp năm 2017

1. Ngoài nội dung về định nghĩa rừng, tiêu chí rừng, UBND huyện thống nhất và không đề xuất điều chỉnh về các nội dung quy định tại Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017 và đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Lâm nghiệp của UBND huyện Sơn Tây. Kính đề nghị Chi cục Kiểm lâm tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT Quảng Ngãi;
- Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi;
- CT, PCT UBND huyện;
- Hạt Kiểm lâm;
- Các Phòng: NN&PTNT, TN&MT, TC-KH;
- UBND các xã;
- C, PCVP, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Trường Giang